TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ – ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Trung Dong.
2. Bà: Phạm Thị Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên toà số 07/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị T.
Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H.
Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 09/10/2008. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi không quan tâm đến vợ con, ngoài ra anh Hưng còn hay uống rượu, sau khi uống rượu, về nhà hay chửi mắng vợ con, bản thân chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không khắc phục được, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 9 năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con: Vợ chồng chị sinh được hai con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/8/2009; cháu thứ hai Nguyễn Việt T, sinh ngày 03/9/2012. Nếu được ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Việt T, để anh Hưng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

*Tại bản khai ngày 08/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày***:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng, anh hoàn toàn nhất trí.Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian như chị T trình bày thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh xác nhận có 02 người con chung đúng như chị Tạ đã khai, trong trường hợp phải ly hôn thì anh xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án đã đưa ra hòa giải hai lần nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh H không đồng ý.

Tại phiên toà hôm nay Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hưng. Về con giao cháu Nguyễn Việt Tú, sinh ngày 03/9/2012 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/8/2009 cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành

đủ 18 tuổi, chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn H về việc ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, anh H có địa chỉ tại huyện B, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thụ lý vụ án để giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đúng theo qui định pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Cốc San, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 vào ngày 09 tháng 10 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Anh Nguyễn Văn H không nhất trí.

Xét thấy trong quá trình chung sống thì chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu tháng 9/2019, nay chị đã về nhà mẹ đẻ tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai để ở, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không có tiếng nói chung, anh H ham chơi không quan tâm đến vợ con, mặt khác anh H còn hay uống rượu mỗi lần say về nhà chửi mắng vợ con, xuất phát từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến việc chị phải về nhà mẹ đẻ để ở, tại đơn xin xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng ngày 28/10/2019, chính quyền địa phương xác nhận chị T và anh H đã sống ly thân, tại các biên bản hòa giải thì anh H xác nhận có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, như vậy trong quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn là có thật, xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu của chị T, không chấp nhận yêu cầu của anh H, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh H.

[4] Về con: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau sinh được 02 cháu, cháu thứ nhất Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/8/2009; cháu thứ hai Nguyễn Việt T, sinh ngày 03/9/2012.

Tại phiên tòa chị T xin được nuôi cháu Nguyễn Việt T.Tại các bản khai và biên bản hòa giải anh H xin nuôi cả hai cháu, xét thấy bản thân chị T và anh H đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bản thân anh H khai thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) nhưng anh không có căn cứ chứng minh, thu nhập bình quân đầu người đối với lao động tự do tại xã Cốc San là 200.000 đồng/ tháng, như vậy về điều kiện nuôi con của hai anh chị là như nhau, đối với hai cháu đều đã trên 7 tuổi, tại đơn do chị T nộp kèm theo đơn khởi kiện do hai cháu tự viết thì cháu Tuấn muốn ở với bố, cháu Tú muốn ở với mẹ, tại các biên bản hỏi ý kiến của hai cháu ngày 08/10/2019 thì cả hai cháu đều muốn ở với anh H nhưng tại đơn xác nhận do cháu T viết và có xác nhận của cô giáo chủ nhiệm lớp 2A3 và trường Tiểu học Cốc San ngày 22/10/2019 thì cháu T muốn ở với mẹ, như vậy ý kiến của cháu T là muốn ở với mẹ, xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng và anh H nuôi cháu T là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không gi quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị T phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên**:**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con: Chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Việt Tú, sinh ngày 03/9/2012 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/8/2009 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0003297 ngày 02/10/2019. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- UBND xã Cốc San;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

Thẩm phán Hoàng Duy Chiến;
Báo cáo án;
Nguyên đơn: Chị Trần Thị T.
Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau có đăng ký ngày 18/12/2012, Tại UBND xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, được năm năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hưng không chịu làm ăn, chơi cờ bạc, gia đình hai bên đã khuyên giả nhưng anh Hưng không khắc phục được, đến nay tình cảm vợ chồng trầm trọng hơn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân được 2 tháng, không quan tâm đến nhau. Nay chị Tạ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giả quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con: Vợ chồng sinh được hai con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016. Nếu được ly hôn chị Tạ có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng nuôi con chung.Hiện tại chị bán hàng tạp hóa chợ Duyên Hải thu nhập hàng tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/7/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận về thời gian và địa điểm đăng ký kết như chị Tạ trình bày là đúng, anh hoàn toàn nhất trí. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian như chị Tạ trình bày thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh xác nhận có 02 người con chung đúng như chị Tạ đã khai, trong trường hợp phải ly hôn thì anh xin nuôi cháu thứ nhất Nguyễn Thị Ngọc Trinh, không yêu cầu chị Tạ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H vắng mặt, chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện.

QUAn Điểm

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con: Chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0005271 ngày 03/7/2018. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TP Hoàng Duy Chiến báo cáo vụ án ly hôn:

1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thuỳ Giang.

Địa chỉ: Tổ 28, phường Pom Hán, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 19, phường Duyên Hải, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 043, đường Trần Quốc Hoàn, tổ 19B, phường Duyên Hải, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường Pom Hán, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai vào ngày 29/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn vài năm đầu thì phát sinh mâu thuân thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ đó vợ chồng thường xuyên xô sát, mâu thuẫn, cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh Hưng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được một người con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân, không yêu cầu anh Hưng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày***:**

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn chị Trần Thị T trình bày là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng chị Tạ trình bày là không đúng, thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có khả năng khắc phục được. Nguyên nhân phát sinh là do hoàn cảnh gia đình, anh phải đi làm để lấy tiền trang trải cuộc sống của bản thân cũng như gia đình, công việc của anh phải làm đêm và có khi làm cả đêm chính vì vậy không có sự chăm sóc quan tâm đến vợ con, anh nghĩ mâu thuẫn này anh sẽ khắc phục được. Chị Tạ nói vợ chồng sông ly thân từ tháng 9/2017 chị về nhà mẹ để để ở là không đúng mà chị Tạ về nhà mẹ đẻ ở từ 12/2017, khi ly thân thì cứ có thời gian anh xuống thăm vợ và con. vì vậy anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Tạ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

QUAN ĐIỂM

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con: Chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0004944 ngày 09/3/2018. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,